

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/7/2025

V/v “Ly hôn, quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - TỈNH L

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Phạm Hồng Sơn

2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14-L tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14-L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 520/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2024, về việc: “*Ly hôn, quyền nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14-L, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Trần Thị Minh H** - sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh L

Địa chỉ cũ: số 110, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: ông **Trần Mộng Đ** - sinh năm 1981

Nơi đăng ký NKTT: thôn Ngọc Sơn, xã Ninh An, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh L.

Địa chỉ cũ: số 110, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận)

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 07/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Minh H trình bày:**

- *Về hôn nhân*: bà và ông Trần Mộng Đ xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Tân, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 06/2015, quyền số: 01/2015, ngày 11/02/2015. Cuộc sống vợ chồng sống ban đầu có hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhau do ông Đ có tính bạo lực, có lần đánh đập bà. Bà có khuyên ông nhiều lần nhưng ông vẫn tính nết nào tật nấy. Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nữa, cuộc sống vợ chồng đã tự chấm dứt, tại Tòa hôm nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

- *Về con chung*: có 02 con chung tên Trần Minh Vy - sinh ngày 20/3/2015 và Trần Minh Quang - sinh ngày 24/10/2019, hiện nay các con ở với ông Đ. Nếu ly hôn bà đồng ý giao 02 con cho ông Đ tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi tHnh niên. Bà tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con Hng tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.

*** Bị đơn ông Trần Mộng Đ trình bày.**

- *Về hôn nhân*: ông và bà Trần Thị Minh H xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Tân, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 06/2015, quyền số: 01/2015, ngày 11/02/2015. Cuộc sống vợ chồng sống ban đầu có hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi vã nhau, bức tức không làm chủ được bản thân, ông có đánh bà H 2 lần (lần thứ nhất cách 7 năm và lần này vào 12/2024). Nay ông nhận thấy vẫn còn thương vợ, con của ông, nên ông không chấp nhận ly hôn với bà H.

- *Về con chung*: có 02 con chung tên Trần Minh Vy - sinh ngày 20/3/2015 và Trần Minh Quang - sinh ngày 24/10/2019, hiện nay các con ở với ông. Nếu trường hợp phải xử cho ly hôn thì ông yêu cầu được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi tHnh niên. Ông không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có.

*** Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát phát biểu:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trần Thị Minh H được ly hôn với ông Trần Mộng Đ.

+ Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Minh Vy - sinh ngày 20/3/2015 và Trần Minh Quang - sinh ngày 24/10/2019 cho ông Trần Mộng Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng tHnh và ông Trần Mộng Đ không yêu

cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- + Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu môn không xem xét.
- + Về án phí: bà Trần Thị Minh H phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Mộng Đ. Xét yêu cầu của nguyên đơn và nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện “Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14-tỉnh L.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: bà Trần Thị Minh H và ông Trần Mộng Đ xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Tân, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 06/2015, quyển số: 01/2015, ngày 11/02/2015, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo bà Trần Thị Minh H trình bày, cuộc sống vợ chồng sống ban đầu có hạnh phúc, nhưng từ đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhau do ông Đ có tính bạo lực, có lần đánh đập bà. Bà có khuyên ông nhiều lần nhưng ông vẫn tính nết tặc nết. Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nữa, cuộc sống vợ chồng đã tự chấm dứt, tại Tòa hôm nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Mộng Đ thừa nhận từ đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi vã nhau, do bức tức không làm chủ được bản thân ông có đánh bà H hai lần (lần thứ nhất cách 7 năm và lần này vào 12/2024). Nhưng ông Đ xác định nay ông nhận thấy vẫn còn thương vợ, con ông, nên ông xin được đoàn tụ và không chấp nhận ly hôn với bà H.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Trần Thị Minh H và ông Trần Mộng Đ xác lập từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, ban đầu cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc, nhưng kể từ đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ông Đ có lần đánh đập bà H, từ đó bà H đã về nhà của chị bà ở, hiện nay bà H đã thuê nhà trọ sinh sống một mình, tự sống ly thân cho đến nay, không quan tâm chăm sóc đến ông Đ nữa. Hôn nhân giữa bà H và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, bà H đã tự sống ly thân, nên yêu cầu ly hôn của bà H là chính đáng có căn cứ pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Trần Minh Vy - sinh ngày

20/3/2015 và Trần Minh Quang - sinh ngày 24/10/2019, hiện nay các con ở với ông Đ. Nếu ly hôn bà H đồng ý giao 02 con cho ông Đ tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi tHnh niên.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ý kiến của ông Đ là, nếu trường hợp phải xử cho ly hôn, thì ông yêu cầu được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi tHnh niên, ông không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc bà H tự nguyện giao cho ông Đ được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của ông Đ và cháu Vy, nên công nhận sự thỏa thuận về quyền nuôi con của các đương sự. Ông Đ không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay bà H rút lại việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng, như tại phiên họp hòa giải.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông Đ khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[4] Đối với đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

2.1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

Xử cho bà Trần Thị Minh H ly hôn với ông Trần Mộng Đ.

2.2. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

- Giao cho ông Trần Mộng Đ được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Trần Minh Vy - sinh ngày 20/3/2015 và Trần Minh Quang - sinh ngày 24/10/2019 cho đến khi tHnh niên (hiện nay các con ở với ông Đ).

- Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Không ai được ngăn cản bà H quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

3. Về án phí: bà H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí của bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007254 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Tuy Phong, nên án phí đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/7/2025).

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự, thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND khu vực 14-L;
- Phòng THA DS khu vực 14-L;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thạch